

Phụ lục III
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
TRẦN ĐẠI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 147/BC-TĐN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở giáo dục** Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa
- 2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)**
Địa chỉ: 53 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3825 0074
Website: <https://thcsthpttrandainghia.edu.vn>
- 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu** Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập
Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

Sứ mệnh: Trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng và nuôi dưỡng những giá trị tốt đẹp cần thiết để phát triển và phụng sự đất nước trong thế giới đa dạng, biến động không ngừng.

Tầm nhìn: Trở thành ngôi trường nuôi dưỡng và thúc đẩy sự phát triển học thuật, năng lực xã hội và cảm xúc của học sinh, đồng thời hình thành tư duy toàn cầu để sẵn sàng đón nhận thử thách và trở thành nhân tố tích cực, có trách nhiệm với gia đình, đất nước và cộng đồng quốc tế

Hệ thống giá trị cơ bản:

Chất lượng trong học thuật – Chúng ta trau dồi kỹ năng, tích lũy kiến thức chuyên môn, không ngừng học hỏi và phát triển khả năng học tập suốt đời, nhằm ứng dụng kiến thức một cách linh hoạt vào các vấn đề trong cuộc sống và xã hội.

Cởi mở trong tư duy – Chúng ta sẵn sàng đón nhận những trải nghiệm mới và thử thách mới. Chúng ta sẵn sàng thay đổi quan điểm khi đối mặt với bằng chứng mới. Chúng ta khuyến khích tư duy phản biện và khả năng tiếp thu các quan điểm đa chiều.

Sáng tạo và khai phóng – Chúng ta khuyến khích sự sáng tạo và khai phóng trí tuệ, giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa khả năng tư duy độc lập, phản biện và tự do khám phá, phát triển các năng lực cá nhân để đối mặt với những thách thức trong cuộc sống.

Hợp tác và chia sẻ – Chúng ta làm việc hiệu quả với tất cả bạn bè trong nước và quốc tế, khuyến khích sự hợp tác và kết nối để phát triển cộng đồng học tập sáng tạo. Chúng ta hiểu rằng sự thành công của tập thể luôn dựa trên tinh thần hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau.

Tôn trọng và yêu thương – Chúng ta tôn trọng chính mình và người khác, trân trọng sự đa dạng trong văn hóa, quan điểm, và nền tảng của mỗi cá nhân. Chúng ta nuôi dưỡng tình yêu thương và lòng bao dung, luôn đặt mình vào vị trí của người khác để hành xử công bằng và có trách nhiệm.

Mục tiêu chung:

- Xây dựng và phát triển nhà trường có chất lượng giáo dục hàng đầu của Thành phố, nâng cao chất lượng giáo dục và trang bị cho học sinh các kỹ năng hội nhập quốc tế, giáo dục phát triển toàn diện học sinh, phát triển tư duy, khả năng chung sống và trách nhiệm cho học sinh góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố và cả nước.
- Xây dựng môi trường sư phạm chuẩn mực, mô hình trường học hạnh phúc; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; xây dựng cộng đồng văn hóa, học thuật mang tính chất hội nhập quốc tế. Chú trọng xây dựng giá trị cốt lõi, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh đối với nhà trường, gia đình, thành phố và cộng đồng.
- Xây dựng và phát triển các hoạt động nhà trường theo hướng thông minh, hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; đổi mới quản trị nhà trường và tổ chức hoạt động giáo dục học sinh đa dạng.
- Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục STEM/STEAM, văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục thể chất, nghệ thuật; đồng thời phát triển năng lực ngoại ngữ, năng lực số và năng lực trí tuệ nhân tạo cho học sinh; trang bị kỹ năng sinh tồn, tư duy cùng thắng thích ứng trong thời đại máy.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, trách nhiệm và tâm huyết. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, khả năng thích ứng, tăng cường sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong môi trường giáo dục.
- Cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị nhằm đảm bảo tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục, phát triển năng khiếu và tạo môi trường học tập năng động và sáng tạo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 1874, Cha Henri De Kerlan – Cha Sở coi Thánh đường Sài Gòn tự xuất tiền riêng sáng lập trường Lasan Taberd đặt tại dinh của Tri phủ Tân Bình đời Tự Đức. Trường xây xong năm 1875 và hoàn thiện năm 1887, đầu tiên để nuôi trẻ mồ côi lai Âu và lai Pháp bị bỏ rơi. Sau này thu nạp học sinh bất luận lương – giáo. Ban đầu có 58 học trò do các tu sĩ, truyền giáo sư gồm 2 người Việt Nam và 2 người Pháp dạy dỗ. Từ năm 1889, các sư huynh đầu tiên của trường công giáo: Les Frères des Ecoles Chrétiennes được mời từ Pháp qua. Những dãy nhà cũ của trường là do Đức cha Mossard đứng coi xây cất, những dãy nhà mới xây đồ sộ sau này là do các sư huynh tiếp tục tu tạo thêm để dạy học sinh từ cấp Tiểu học đến Đệ nhị cấp. Đến năm 1949, trường có 1.200 học sinh. Trường vốn là sản nghiệp riêng của Hội truyền giáo, có công và thanh danh lớn trong việc đào tạo nhân tài trong xứ thời bấy giờ.

Ngày 12 tháng 12 năm 1975, thực hiện theo thông cáo chung của Sở Giáo dục và Ủy ban liên lạc Công giáo – văn thư số 576/VP-75 của Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn, trường Lasan Taberd được chính thức bàn giao cho Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh dưới sự chứng kiến của đại diện: Sở Giáo dục, Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn và trường Lasan Taberd. Trường tiếp tục duy trì đào tạo giáo dục phổ thông từ cấp I, II và III gồm 6.566 học sinh đến hết tháng 9 năm 1976.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục, trường Trung học Sư phạm được thành lập theo quyết định số 32/TCCQ của Ủy ban Nhân dân Cách mạng thành phố với nhiệm vụ đào tạo giáo viên cấp I của thành phố. Tháng 8 năm 1976, chính thức trường Trung học Sư phạm nhận bàn giao từ trường Lasan Taberd cũ và bắt đầu khóa đào tạo đầu tiên của trường. Hệ thống phòng học, phòng nghe nhìn, phòng chuyên môn: Nhạc, Họa, Tin học, Lab, Nghiệp vụ sư phạm, Hội trường và ký túc xá 250 chỗ đã được nâng cấp về thiết bị và tiện nghi. Trường còn có trường Tiểu học Thực hành Sư phạm với gần 650 học sinh học tập và sinh hoạt bán trú, đây là cơ sở thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho giáo viên và tiến hành các hoạt động nghiên cứu giáo dục tiểu học của giáo viên sư phạm. Sau gần 25 năm đào tạo với 24 khóa học, trường Trung học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã đào tạo và bồi dưỡng hơn 15.000 giáo viên Tiểu học cho thành phố. Thực hiện nhiệm vụ nâng cấp, đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ Cao đẳng, trường sáp nhập với trường Cao đẳng Sư phạm theo quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Cơ sở vật chất trường Trung học Sư phạm được bàn giao để thành lập trường THPT Trần Đại Nghĩa theo quyết định số 2020/QĐ-UB-VX ngày 31 tháng 3 năm 2000 của UBND thành phố.

Với mô hình thí điểm tăng cường tiếng Anh và học sinh học tập, sinh hoạt cả ngày tại trường, trường THPT Trần Đại Nghĩa đã tổ chức kỳ thi tuyển sinh khóa đầu tiên với 912 học sinh cho 23 lớp, lễ khai giảng năm học đầu tiên này vào ngày 03 tháng 9 năm 2000.

Ngày 04 tháng 10 năm 2002, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4072/QĐ-UB cho phép chuyển trường THPT Trần Đại Nghĩa thành trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa. Từ năm học 2003 – 2004, nhà trường bắt đầu tuyển sinh các lớp 10 chuyên Anh – Toán – Văn – Lý – Hóa và tiếp tục duy trì mô hình học tập, sinh hoạt cả ngày tại trường và học tăng cường tiếng Anh. Năm học 2013 – 2014, nhà trường tuyển sinh thêm lớp chuyên Sinh nâng tổng số môn chuyên được đào tạo trong nhà trường là 6 môn. Đến năm học 2021 – 2022, nhà trường tuyển sinh thêm lớp chuyên Tin học, nâng tổng số môn chuyên được đào tạo trong nhà trường là 7 môn.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ trường đặt tại số 53, Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm học 2024-2025, trường tuyển sinh 2 khối 6 và 10. Nhà trường phát huy thế mạnh đào tạo học sinh cấp trung học cơ sở; duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi và giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

Từ khi được thành lập năm 2024, đến nay, trường có 32 lớp học với 1.090 học sinh, Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Trần Thị Hồng Thủy

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa

Số điện thoại: 0913115878

Email: tranthihongthuy@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 1657-QĐ/UBND ngày 15/05/2024 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về thành lập Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa trên cơ sở tổ chức lại Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành

viên hội đồng trường

Quyết định số 3357-QĐ/SGDDĐT ngày 19/09/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Quyết định số 3575-QĐ/SGDDĐT ngày 10/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Quyết định số 4216-QĐ/SGDDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường của Trường Trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa, nhiệm kỳ 2024 - 2029

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	Trần Thị Hồng Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Trần Ngọc Anh	Thư ký Hội đồng	Thư ký
03	Bùi Công Sơn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
04	Đinh Thị Như Thủy	Trợ lý thanh niên	Thành viên
05	Lâm Hoàng Tân	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
06	Nguyễn Thị Ngà	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
07	Ngô Văn Đát	Giáo viên	Thành viên
08	Lê Minh Phát	Chủ tịch phường	Thành viên
09	Lê Hữu Thiện	Trưởng ban đại diện CMHS trường	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định số 249-QĐ/SGDDĐT ngày 11/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý

Quyết định số 250-QĐ/SGDDĐT ngày 11/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường:

Quyết định số 32-QĐ/TĐN ngày 21/8/2024 của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Quyết định số 1575-QĐ/SGDDĐT ngày 30/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 15 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 68 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 263 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 12 chi đoàn thuộc Đoàn trường.
- + Ban đại diện CMHS có 12 thành viên.
- + Có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách

nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Thị Hồng Thủy	Hiệu trưởng	0913115878	tranthihongthuy@hcm.edu.vn
2	Bùi Công Sơn	Phó Hiệu trưởng	0925339379	bctson.tdn@hcm.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Kế hoạch số 45-KH/TĐN ngày 02/3/2026 của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa về chiến lược phát triển trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Quyết định số 174-QĐ/TĐN ngày 24/11/2025 của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa về Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Bảng đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2025
1	Diện tích đất	12.381,1 m ²	12.381,1 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	11.313,6/2.549	11.313,6/2.549
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0	0
4	Số đầu sách	5.804	5.804
5	Số bản sách/người học	10.742/1.090	10.742/543

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	53 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	12.381,1 m ²	11.313,6 m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0

2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường chưa thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục do mới thành lập được 02 năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	10	347	10	347	0			0	0	0
7	10	355	10	355	0			0	0	0
10	7	201	7	203	0			0	2	0
11	5	188	5	185	0			0	0	3

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

2.1. Đối với học sinh

a. Kết quả rèn luyện

Khối	TSHS	Tốt	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
6	347	346	1	0	0	Giảm
7	355	355	0	0	0	
10	203	203	0	0	0	Bằng
11	185	184	1	0	0	

b. Kết quả học tập

Khối	TSHS	Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	So với năm học trước
6	347	347	0	0	0	Tăng
7	355	354	1	0	0	
10	203	203	0	0	0	Bằng
11	185	182	3	0	0	

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi
6	302	45
7	303	51
10	160	43
11	152	28

- Số học sinh lưu ban: 00

- Số học sinh đậu tốt nghiệp: chưa có học sinh thi tốt nghiệp

- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học: chưa có học sinh tham gia xét tuyển đại học

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Cuộc thi Olympic truyền thống 30/4	18 huy chương: 3 Huy chương vàng, 6 Huy chương bạc, 9 Huy chương đồng	
2	Cuộc thi Olympic TPHCM	51 giải: 7 giải Nhất, 18 giải Nhì, 26 giải Ba	
3	Cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh trung học cấp thành phố	5 giải Ba	
4	Cuộc thi “Học sinh – sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” STARTUP cấp thành phố	1 Giải Nhất, 1 Giải Nhì	
5	Cuộc thi Văn Hay Chữ Tốt cấp thành phố	1 Giải Nhất, 1 Giải Nhì, 1 Giải Ba, 2 Giải Khuyến khích	
6	Cuộc thi Lớn lên cùng sách cấp thành phố	3 Giải Nhất, 1 giải Nhì	
7	Hội thi Khéo tay Kỹ thuật cấp thành phố	1 Giải Ba, 1 Giải Khuyến khích	
8	Hội thi Hùng biện tiếng Nhật cấp thành phố	1 Giải Khuyến khích.	
9	Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp thành phố	1 giải Nhì	
10	Giải thể thao học sinh cấp thành phố	25 giải	
11	Kỳ thi Toán Quốc tế AMO 2025	149 giải	
12	Kỳ thi Toán Quốc tế SASMO 2026	151 giải	
13	Học sinh tiêu biểu Học tập theo lời Bác	4 học sinh	

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	02	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	00	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	17	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	12.873
1.1	Học phí	908
1.2	Thu sự nghiệp	11.965
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.873
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.548
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.548
	Học phí	544
	Thu sự nghiệp	11.004
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	1.325
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.325
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.324
1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.156
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	10.156
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.168

Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	10.168
* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP
NĂM 2025 (Đến ngày 31/12/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	1.037.862.532	
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL	1.037.862.532	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)		
I	Dự toán được giao năm 2025	17.224.620.000	
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL	8.353.000.000	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	0	
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL		
	- Ngoài khoán		
	- Dự toán giữ lại (nguồn)		
	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2025	18.262.482.532	
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL	9.390.862.532	
	- Ngoài khoán		
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Mua sắm		
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 31/12/2025	16.700.789.161	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)		
	- CCTL	7.892.786.593	
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)		

	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	1.561.693.371	
	Trong đó: - Trong khoán		
	- CCTL	1.498.075.939	
	- Ngoài khoán		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
NĂM 2025**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu	13.025.1915.854	13.025.1915.854	
1	Số thu phí, lệ phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác	13.025.1915.854	13.025.1915.854	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	10.188.239.232	10.188.239.232	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp	168.757.439	168.757.439	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	168.757.439	168.757.439	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	53.544.056	53.544.056	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	9.965.937.737	9.965.937.737	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	16.700.789.161	16.700.789.161	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	16.700.789.161	16.700.789.161	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.823.317.122	8.823.317.122	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.877.472.039	7.877.472.039	
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	7.171.000.000	7.171.000.000	
6000	Tiền lương	3.552.244.203	3.552.244.203	

6001	Lương theo ngạch, bậc	3.552.244.203	3.552.244.203	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6100	Phụ cấp lương	1.567.472.112	1.567.472.112	
6101	Phụ cấp chức vụ	59.310.000	59.310.000	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	468.122.868	468.122.868	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	992.825.964	992.825.964	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	15.660.000	15.660.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	31.553.280	31.553.280	
6250	Phúc lợi tập thể			
6299	Chi khác (tiền nước uống)			
6300	Các khoản đóng góp	856.130.258	856.130.258	
6301	Bảo hiểm xã hội	619.328.274	619.328.274	

6302	Bảo hiểm y tế	109.293.223	109.293.223	
6303	Kinh phí công đoàn	72.862.151	72.862.151	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	36.431.071	36.431.071	
6349	Các khoản đóng góp khác	18.215.539	18.215.539	
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân			
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	200.014.101	200.014.101	
6501	Tiền điện	115.223.187	115.223.187	
6502	Tiền nước	84.790.914	84.790.914	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường			
6550	Vật tư văn phòng			
6551	Văn phòng phẩm			
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc			
6601	Cước phí điện thoại trong nước			

6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện			
6618	Khoản điện thoại			
6649	Khác			
6700	Công tác phí	33.200.000	33.200.000	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe			
6702	Phụ cấp công tác phí			
6703	Tiền thuê phòng ngủ			
6704	Khoản công tác phí	33.200.000	33.200.000	
6750	Chi thuê mướn	-	-	

6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển	-	-	-
6754	Thuê thiết bị các loại			
6757	Thuê lao động trong nước			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)			
6916	Máy bơm nước			
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính			
6921	Đường điện, cấp thoát nước			
6949	Các tài sản khác			
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	-
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	-
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn			
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn			
7004	Chi trang phục, đồng phục			
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác			
7000	Mua sắm tài sản vô hình	-	-	

7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	-	
7750	Chi khác			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán			
7758	Chi hỗ trợ khác			
7761	Chi tiếp khách			
7764	Chi khen thưởng	-	-	
7799	Chi khác	-		-

7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	961.939.326	961.939.326	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	625.260.562	625.260.562	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	144.290.899	144.290.899	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	48.096.966	48.096.966	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	144.290.899	144.290.899	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở	-	-	-
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL	7.892.786.593	7.892.786.593	
6000	Tiền lương	1.065.673.260	1.065.673.260	
6001	Lương theo ngạch bậc	1.065.673.260	1.065.673.260	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	Phụ cấp lương	329.804.777	329.804.777	
6101	Phụ cấp chức vụ	17.793.000	17.793.000	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	297.847.793	297.847.793	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	4.698.000	4.698.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	9.465.984	9.465.984	
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	0	0	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HC)			
6300	Các khoản đóng góp	256.839.085	256.839.085	
6301	Bảo hiểm xã hội	185.798.486	185.798.486	
6302	Bảo hiểm y tế	32.787.970	32.787.970	
6303	Kinh phí công đoàn	21.858.644	21.858.644	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	10.929.324	10.929.324	
6349	Các khoản đóng góp khác	5.464.661	5.464.661	

6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6.240.469.471	6.240.469.471	
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	6.240.469.471	6.240.469.471	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	1.637.002.568	1.637.002.568	
6100	Phụ cấp lương	758.590.740	758.590.740	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	758.590.740	758.590.740	
6150	Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-	
6200	Tiền thưởng	500.000.000	500.000.000	
6201	Thưởng thường xuyên	500.000.000	500.000.000	
6300	Các khoản đóng góp	178.268.828	178.268.828	
6301	Bảo hiểm xã hội	128.960.427	128.960.427	
6302	Bảo hiểm y tế	22.757.725	22.757.725	
6303	Kinh phí công đoàn	15.171.813	15.171.813	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	7.585.909	7.585.909	
6349	Các khoản đóng góp khác	3.792.954	3.792.954	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	8.743.000	8.743.000	
7004	Đồng phục, trang phục	-	-	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	8.743.000	8.743.000	
7750	Chi khác	191.400.000	191.400.000	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	191.400.000	191.400.000	
	TỔNG CỘNG	16.700.789.161	16.700.789.161	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 2025 (Đến ngày 31/12/2025)

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)	80.000.000	
	Số tồn cải cách tiền lương	80.000.000	

II	Tổng số thu	211.400.000	
	- Thu học phí:	211.400.000	
III	Tổng kinh phí sử dụng	291.400.000	
III	Tổng chi	182.620.055	
1.	Chi lương	139.450.138	
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/202...	-	
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	-	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền tết 202....		
7.	Chi tiền điện		
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế		
9.	Chi trích lập quỹ năm 2025	43.169.917	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/12/2025 (Tồn tại KBNN)	108.779.945	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐÀU
NĂM 2025 (Đến ngày 31/12/2025)**


ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang	15.574.920	Nộp về BHHH
II	Tổng thu (BHHH chuyển về)	34.243.560	
III	Tổng số chi	8.648.970	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	1.397.700	
2	Chi xử lý rác y tế	471.270	
3	Chi tiền sổ giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2025-2026	6.780.000	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2025	25.594.581	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI**NĂM 2025 (Đến ngày 31/12/2025)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN CUỐI NĂM 2024 CHUYỂN SANG	239.826.100	
II	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2025	144.290.899	
III.	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn thu SN + DV	429.825.722	
IV	Tổng số được sử dụng năm 2025	813.942.721	
V	Tổng số chi trong năm 2025	362.291.200	
1	Chuyển tiền thưởng tết âm lịch 01/01/2025 cho CBCNV	13.800.000	
2	Chi lì xì tết cho CBCNV theo QCCTNB năm 2025 đính kèm danh sách	4.100.000	
3	Chi mừng sinh nhật tháng 01+02/25 theo danh sách đính kèm (theo QCCTNB)	500.000	
4	Chi viếng đám tang ba thầy Bùi Công Sơn - PHT theo QCCTNB	1.000.000	
5	Chuyển tiền lễ 08/03/2025 cho CBCNV	5.800.000	
6	Chi mừng sinh nhật T03/25 cho CBCNV theo danh sách đính kèm	300.000	
7	Chuyển tiền lễ 30/4 và 01/05/2025 cho CBCNV theo QCCTNB	13.800.000	
8	Thanh toán tiền khám sức khỏe cho CBCNV năm 2025 theo HD414	20.441.200	
9	Chi quà sinh nhật T04/25 cho CBCNV theo QCCTNB	200.000	
10	Chi sinh nhật tháng 05/2025 theo danh sách đính kèm (theo QCCTNB)	400.000	
11	Chi thăm hỏi cô Lâm Nguyễn Tường Vy - GV vật Lý bị bệnh hiểm nghèo (theo QCCTNB)	5.000.000	
12	Chi mừng sinh nhật tháng 6/2025 cho CBCNV theo danh sách đính kèm	300.000	
13	Chi quà Quốc tế thiếu nhi 01/06/2025 cho con em toàn thể lao động theo QCCTNB (đính kèm danh sách)	1.700.000	

14	Thanh toán đợt 1 theo HĐ0607/2025HĐDL/HLBS-TDN ngày 23/6/25 tham quan cho CBGV-NV hè 2025	39.556.000	
15	Thanh toán đợt 2 theo HĐ0607/2025HĐDL/HLBS-TDN ngày 23/6/25 tham quan cho CBGV-NV hè 2025	29.667.000	
16	Thanh toán đợt cuối theo HĐ0607/2025HĐDL/HLBS-TDN ngày 23/6/25 tham quan cho CBGV-NV hè 2025 + HĐ32	26.477.000	
17	Chi quà sinh nhật T07/2025 cho CBCNV theo QCCTNB	800.000	
18	Chi hỗ trợ KP tham quan du lịch hè NH24-25 do tham gia tập huấn chuyên môn hè theo điều động (theo QCCTNB)	3.190.000	
19	Chuyển tiền lễ 02/9/2025 cho CBCNV	19.200.000	
20	Chi thù lao T8/25 và lễ 2/9 cho nhân viên làm vườn + SCN	300.000	
21	Chi mừng sinh nhật T8+9/25 cho CBCNV theo danh sách đính kèm	1.200.000	
22	Chuyển tiền đồng phục đầu năm học 25-26 cho CBCNV (theo QCCTNB)	64.000.000	
23	Chi thanh toán kệ hoa viếng đám tang mẹ vợ thầy Trịnh Quốc Hùng - GV Hóa học (theo QCCTNB)	1.000.000	
24	Chi mừng sinh nhật CBCNV tháng 10/2025 theo danh sách đính kèm (theo QCCTNB)	200.000	
25	Chi quà trung thu cho con của CBCNV trường theo danh sách đính kèm (QCCTNB)	2.800.000	
26	Chuyển tiền lễ 20/10/2025 cho CBCNV + GVTG	15.900.000	
27	Chi mừng sinh nhật T11/2025 cho CBCNV theo danh sách đính kèm	7.000.000	
28	Chuyển tiền lễ 20/11/2025 cho CBCNV	34.000.000	
29	Chi hỗ trợ tiền đồng phục NH25-26 cho NV bảo vệ	1.000.000	
30	Thanh toán tiền đặt in lịch treo tường theo HD1304 (200quyển)	34.560.000	
31	Chuyển tiền tết Dương lịch 01/01/2026 cho CBCNV	20.400.000	
VI	TỔN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2025	451.651.521	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

- Xây dựng và triển khai thực hiện đúng quy định theo các chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM, các nội dung hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM.

- Triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên thực hiện theo đề án tổ chức lại trường và theo thực tế của đơn vị. Hoàn thành tốt việc triển khai các nội dung của đề án, tổ chức tốt các nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch giáo dục, đạt kết quả tốt, đặc biệt đạt các thành tích cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, các cuộc thi cấp thành phố, các hoạt động phong trào và tổ chức dạy học trong đơn vị.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Giáo viên tích cực chủ động, sáng tạo trong đổi mới PPDH, nhằm khuyến khích sự tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học cụ thể, có tính khả thi, phù hợp từng đối tượng học sinh.

- Thực hiện đúng quy định soạn KHBD theo Công văn 5512/CV-BGDĐT với các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất học sinh; vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực, đáp ứng các yêu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học.

- Triển khai tổ chức dạy học kết hợp gắn với mô hình trường học thông minh, tăng cường xây dựng và khai thác học liệu số, chủ động trong công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và đưa Tiếng Anh vào hoạt động giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động dạy học nhằm phát triển đa dạng năng lực học sinh: Stem/Steam, tích hợp liên môn, tích hợp di sản, dự án, kết hợp khai thác năng lực số và trí tuệ nhân tạo,... Tích cực hợp tác, phối hợp với các tổ chức, cá nhân, cha mẹ học sinh trong phát triển đa dạng các hoạt động giáo dục theo hướng hiện đại, tiên tiến.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Tổ chức hiệu quả các trọng tâm phát triển giáo dục của chương trình GDPT gắn chặt với giáo dục toàn diện, phát triển đa dạng năng lực học sinh; chú trọng đẩy mạnh đào tạo mũi nhọn về học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phát triển năng khiếu học sinh.

- Thực hiện đúng các chỉ đạo, hướng dẫn về công tác đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GDĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông và Hướng dẫn của Sở GDĐT.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

- Tổ chức triển khai các tổ, bộ phận xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, thiết kế giáo án chung cho từng khối và giáo viên chủ nhiệm sẽ sáng tạo thêm tùy thuộc vào tình hình từng lớp. Giáo viên chủ nhiệm nắm rõ hoàn cảnh gia đình, năng lực bản thân,... để có kế hoạch tư vấn, định hướng phân luồng cho cha mẹ học sinh.

- Phối hợp báo Giáo dục, các doanh nghiệp, Trung tâm hỗ trợ học sinh, sinh viên và các trường Đại học tổ chức hướng nghiệp tập trung và tổ chức tìm hiểu chuyên sâu từng ngành nghề tại trường đại học cho học sinh. (ĐH Bách Khoa, ĐH Ngoại Thương)

- Phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong định hướng nghề nghiệp cho học sinh: giúp học sinh trải nghiệm được các nghề phổ thông gần gũi với cuộc sống xung quanh và chọn lựa được các ngành nghề phù hợp sau khi rời trường phổ thông; Triển khai giáo dục khởi nghiệp để khơi dậy tinh thần tự tạo việc làm, tự thân lập nghiệp và cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cần có để khởi nghiệp.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

- Xây dựng và ban hành các quyết định phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu về nghệ thuật, TDTT theo phân công trong kế hoạch tổ. Giáo viên được phân công bồi dưỡng học sinh giỏi, năng khiếu phải có kế hoạch thực hiện công tác giảng dạy, ký sổ đầu bài, điểm danh học sinh để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả quá trình học tập của học sinh và được hưởng chế độ theo quy định.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức khảo sát học sinh giỏi, năng khiếu cấp trường và sử dụng lực lượng học sinh giỏi, năng khiếu được đào tạo từ năm học 2024 - 2025 để thành lập đội tuyển tham gia kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi thành phố, tham gia kỳ thi Olympic thành phố Hồ Chí Minh, tham gia các Hội thi, cuộc thi về VHNT, TDTT, QPAN.... Đồng thời, giáo viên bộ môn giảng dạy các lớp giới thiệu danh sách tham gia học bồi dưỡng.

- Giáo viên, học sinh tham gia đầy đủ các kỳ thi, hội thi: Olympic truyền thống, Olympic Thành phố Hồ Chí Minh, Nghiên cứu khoa học kỹ thuật; Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Sáng tác ảnh Tuổi xanh; Nét Vẽ Xanh; Hội thi Đầu bếp trẻ; Hội thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”; Hội thi Lớn lên cùng sách; Cuộc thi Văn hay chữ tốt; Các cuộc thi, hội thi về thể dục thể thao,...

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và của Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về tăng cường xây dựng Đảng, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng quan tâm chăm lo nâng cao mọi mặt đời sống của Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh”; sử dụng có hiệu quả không gian văn hóa Hồ Chí Minh đã xây dựng trong quá trình giáo dục học sinh, đồng thời bổ sung các nội dung về văn hóa vật thể, phi vật thể và trên không gian mạng để hoàn thiện tốt hơn không gian văn hóa Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục và kế hoạch về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới GDĐT, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng nghiêm túc thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo



lực học đường, chú trọng công tác giáo dục kỷ luật tích cực, kỹ năng xử lý tình huống mâu thuẫn trong học sinh và thực hiện có hiệu quả các tiêu chí mô hình “Trường học hạnh phúc”;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, về biển, đảo, an toàn giao thông, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu, Internet và an toàn thông tin mạng... Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá, bồi dưỡng, đào tạo nghệ thuật truyền thống trong nhà trường;

- Triển khai tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành, của địa phương; kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, thành phố; tạo sự phấn khởi, củng cố niềm tin, góp phần tăng cường sự thống nhất, ổn định tư tưởng.

- Đẩy mạnh các hoạt động tôn vinh, biểu dương gương thầy cô giáo tiêu biểu, điển hình có nhiều cống hiến trong chuyên môn và gương học sinh tiêu biểu trong học tập; thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới trong đội ngũ giáo viên và học sinh.

- Phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Đoàn, Đội. Triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn tâm lý, công tác xã hội, hướng nghiệp.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Hoàn thiện và chăm sóc tốt hệ thống cây xanh, bồn hoa, tạo môi trường sư phạm khang trang, an toàn: Xanh - Sạch - Đẹp. Tỉa cành, cắt nhánh và chăm sóc các cây. Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường sạch, thông thoáng khu vực lớp học, các phòng chức năng và khuôn viên nhà trường. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác khám sức khỏe cho học sinh. Đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự và an toàn trường học.

- Triển khai tốt công tác quản lý học sinh bán trú. Đảm bảo công tác bán trú, xe đưa rước an toàn, tổ chức vận hành hợp lý, khoa học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc điều kiện ăn – nghỉ cho học sinh bán trú chu đáo, chặt chẽ. Thực hiện tốt công tác ăn - ngủ bán trú cho trên 1000 học sinh (tỉ lệ 93%). Xe đưa rước cho trên 300 học sinh. Việc chăm lo bán trú, xe đưa rước cho học sinh được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo qui định, có sự phối hợp giám sát của BDD-CMHS trường. Thực hiện việc khám sức khỏe định kì, BHYT, chăm sóc y tế ban đầu và hỗ trợ tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.

- Đã thực hiện sửa chữa nhà vệ sinh, hướng đến xây dựng nhà vệ sinh “sạch, đẹp, khô ráo, thông thoáng”, người sử dụng nhà vệ sinh “văn minh, có ý thức giữ gìn vệ sinh”; Trang bị ghế ngồi cho học sinh sinh hoạt đầu tuần.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có)

- Thực hiện theo nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT.

- Thực hiện các hướng dẫn thu theo cơ quan cấp trên, các quy định tài chính trong giáo dục, đảm bảo thu đúng quy định.

- Triển khai chi tiết, nghiêm túc đến toàn thể hội đồng sư phạm về dạy thêm học thêm.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ, tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, tăng cường quản lý đội ngũ.

- Thực hiện phân công giáo viên, nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập chính trị hè; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Sở và trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Thực hiện theo kế hoạch công tác kiểm tra cơ sở vật chất, trang bị dụng cụ thí nghiệm, dụng cụ luyện tập thể dục thể thao, sách tham khảo, tạp chí khoa học, tranh ảnh, bản đồ, mô hình dạy học... đảm bảo nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy học.

- Trang bị đủ sách giáo khoa, sách chuyên đề, sách giáo viên của các nhà xuất bản được duyệt của Bộ tại thư viện để phục vụ công tác tham khảo, học tập của giáo viên, học sinh.

- Thực hiện thường xuyên việc vệ sinh máy lạnh, quạt, bóng đèn; Sửa chữa, bổ sung các máy chiếu các phòng học, hệ thống âm thanh; Sơn mới dãy nhà khu và cải tạo sân thể thao; Trang bị phòng học STEM; Rà soát, sửa chữa nhà vệ sinh, trang bị ghế ngồi, thiết bị dạy – học, máy vi tính mới; Trang bị, sửa chữa CSVC cho khu bán trú.

- Trang bị được 20 máy vi tính cho Phòng học thông minh; Một số lớp tự trang bị Hệ thống TV, bảng lùa, vệ sinh theo định kỳ cho lớp; Một số lớp tự trang bị tủ locker để vest dụng cá nhân của học sinh; Sửa chữa, cải tạo sân bóng rổ Lý Tự Trọng; Hỗ trợ trang bị giấy vệ sinh sử dụng thường xuyên cho nhà vệ sinh học sinh; Trang bị thêm 1 bàn bi lắc cho học sinh tại khu A; Thực hiện mảng xanh khuôn viên lớp học.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, nâng cao chất lượng giảng dạy và sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn: Các tổ chuyên môn triển khai thực hiện chuyên đề phù hợp từng bộ môn. Thực hiện các tiết dạy mẫu thường xuyên trong tổ chuyên môn. Trao đổi chuyên môn, dự giờ các trường trong cụm thao giảng.

- Đổi mới công tác quản lý dạy học: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý dạy học, quản lý chuyên môn, quản lý các hoạt động các tổ, tổ chức đoàn thể, các bộ phận. Quản lý dạy học theo hướng tinh gọn, khoa học nhằm giảm tải áp lực cho giáo viên, nhân viên, học sinh. Chú trọng chất lượng, tập trung trí tuệ phát huy các thế mạnh để thực hiện từng bước hoàn thành các chỉ tiêu giáo dục năm học, giai đoạn của chiến lược phát triển nhà trường.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Triển khai thực hiện kênh truyền thông chính thức: Trang thông tin điện tử và Fanpage của trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa <http://thcsthpttrandainghia.edu.vn>; Fanpage của các tổ chức đoàn thể.

- Thực hiện phối hợp với cơ quan thông tấn báo chí tại địa phương chủ động cung cấp thông tin cho báo chí, tổ chức tuyên truyền theo kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông giáo dục theo định kỳ, triển khai đa dạng các nội dung truyền thông đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo kết quả thực hiện chủ trương, định hướng giáo dục của nhà trường về Sở GD.

- Phân công các cá nhân, bộ phận, phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường tăng cường đăng tải hoạt động trên trang Fanpage của công đoàn cơ sở, đoàn thanh niên, đội thiếu niên.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



TRẦN THỊ HỒNG THỦY